

MỞ RỘNG KIẾN THỨC SGK ANH VĂN 12
CHỦ ĐỀ: LIFELONG LEARNING (BUỔI 1)

Mark the letter A, B, C, or D to indicate the correct answer to each of the following questions.

- Question 1.** Having joined the speaking club for one month really _____ his confidence.
A. requires B. acquires C. boosts D. wonders
- Question 2.** I'd better _____ my Chinese before going on a business trip to Shanghai.
A. take up B. make up C. go up D. brush up
- Question 3.** For people who have a tight schedule, _____ courses are readily available.
A. martial arts B. distance learning C. well-rounded D. hardship
- Question 4.** I'd prefer to study in the library rather than study at home because there are fewer _____.
A. communities B. distractions C. hardships D. resources
- Question 5.** Having a _____ enables individuals to remain persistent in the face of adversity.
A. distance learning B. night school C. growth mindset D. learning community
- Question 6.** General knowledge is _____ from all sorts of sources as we go along.
A. acquired B. wondered C. imprisoned D. analysed
- Question 7.** A lack of _____ proves an obstacle to achieving long-term goals.
A. resources B. promotion C. pace D. self-discipline
- Question 8.** Students who are encouraged to study at their own _____ are more likely to excel.
A. analysis B. pace C. distraction D. governess
- Question 9.** My teacher advised me _____ out more about the college I wanted to apply to.
A. finding B. to find C. find D. found
- Question 10.** My friend _____ me to send him some information about the course I was taking.
A. told B. agreed C. offered D. threatened

Read the following advertisements and mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct option that best fits each of the numbered blanks from 11 to 16.

Join our Night Classes for Adults!

- Expand your horizons with our (11) _____ course offerings.
- Convenient schedules (12) _____ for working professionals.
- Expert instructors dedicated (13) _____ your success.

Unlock new opportunities and pursue your passions after hours. Enroll now!

- Question 11.** A. diversely B. diversity C. diverse D. diversify
- Question 12.** A. acquired B. tailored C. broadened D. satisfied
- Question 13.** A. for B. at C. of D. to

Discover Our English Learning Community!

- Engage with fellow learners in (14) _____ supportive environment.
- Access resources designed by language experts.
- Individual progress (15) _____.

Transform your language skills while being supported every step of the way. Join our vibrant community (16) _____ English learning becomes a rewarding journey for all.

- Question 14.** A. an B. Ø (no article) C. the D. a
- Question 15.** A. tracks B. is tracked C. are tracked D. has tracked
- Question 16.** A. which B. whose C. whom D. where

Mark the letter A, B, C, or D on your answer sheet to indicate the correct arrangement of the sentences

to make a meaningful paragraph for the following question.

Question 17.

- a. Also, he was very determined and kept going, even when things were difficult.
- b. Ho Chi Minh's story shows how learning never stops and can make a big difference.
- c. Ho Chi Minh, known for leading Vietnam's fight for independence, showed how important it is to keep learning throughout life.
- d. Lastly, he kept learning all his life, which helped him change his plans when needed and inspire others.
- e. First, even though he didn't have much formal schooling, he studied hard on his own to learn about many different things.
- f. He was smart and learned from many different places, which helped him lead well.

A. b – c – e – a – f – d

B. c – e – f – a – b – d

C. c – e – a – f – d – b

D. c – e – a – d – f – b

Read the following passage and mark the letter A, B, C, or D to choose the word or phrase that best fits each of the numbered blanks from 18 to 22.

Lifelong learning offers numerous benefits to individuals of all ages. Firstly, it allows individuals to acquire new skills and knowledge, (18)_____ can enhance their personal and professional lives. (19)_____, it fosters intellectual stimulation and cognitive health, helping individuals stay sharp and engaged.

Lifelong learning also enables individuals to adapt to the ever-changing demands of the modern world, allowing them to keep (20)_____ with technological advancements and societal changes. Additionally, it promotes social interaction and connection with (21) _____ who share similar interests, creating a sense of community and belonging. Furthermore, lifelong learning encourages personal growth and self improvement, empowering individuals to (22) _____ their passions and explore new horizons throughout their lives.

Question 18. A. that

B. who

C. where

D. which

Question 19. A. However

B. Because

C. Moreover

D. Though

Question 20. A. cost

B. pace

C. charge

D. state

Question 21. A. much

B. a little

C. others

D. other

Question 22. A. acquire

B. broaden

C. imprison

D. pursue

BẢNG TỪ VỰNG

STT	Từ vựng	Từ loại	Phiên âm	Nghĩa
1	acquire	v	/ə'kwaiə(r)/	đạt được, giành được
2	advancement	n	/əd'vɑ:nsmənt/	sự tiến bộ, thăng tiến
3	adversity	n	/əd'vɜ:səti/	nghịch cảnh
4	analyse	v	/'ænləɪz/	phân tích
5	available	adj	/ə'veɪləbl/	có sẵn
6	boost	v	/bu:st/	thúc đẩy, tăng
7	broaden	v	/'brɔ:dn/	mở rộng
8	business	n	/'bɪznəs/	kinh doanh
9	confidence	n	/'kɒnfɪdəns/	sự tự tin

10	dedicate	v	/'dedɪkeɪt/	cống hiến
11	determined	adj	/dɪ'tɜ:mɪnd/	quyết tâm
12	discipline	n	/'dɪsəplɪn/	kỷ luật
13	distraction	n	/dɪ'strækʃn/	sự xao nhãng
14	diversely	adv	/daɪ'vɜ:slɪ/	một cách đa dạng
15	diversify	v	/daɪ'vɜ:sɪfaɪ/	đa dạng hóa
16	empower	v	/ɪm'paʊə(r)/	trao quyền
17	enable	v	/ɪ'neɪbl/	cho phép, tạo điều kiện
18	enroll	v	/ɪn'rəʊl/	ghi danh, đăng ký
19	expand	v	/ɪk'spænd/	mở rộng
20	fellow	n	/'feləʊ/	bạn đồng nghiệp, đồng hành
21	governess	n	/'gʌvənəs/	người dạy trẻ (tại nhà)
22	hardship	n	/'hɑ:dʃɪp/	sự khó khăn
23	imprison	v	/ɪm'prɪzn/	bỏ tù, giam giữ
24	independence	n	/,ɪndɪ'pendəns/	sự độc lập
25	individual	n/adj	/,ɪndɪ'vɪdʒʊəl/	cá nhân
26	intellectual	adj/n	/,ɪntə'lektʃʊəl/	trí tuệ, học giả
27	interest	n	/'ɪntrəst/	sự quan tâm, hứng thú
28	likely	adj	/'laɪkli/	có khả năng
29	numerous	adj	/'nju:mərəs/	rất nhiều
30	obstacle	n	/'ɒbstəkl/	chướng ngại vật
31	passion	n	/'pæʃn/	đam mê
32	persistent	adj	/pə'sɪstənt/	kiên trì
33	professional	adj/n	/prə'feʃənl/	chuyên nghiệp, người chuyên nghiệp
34	prove	v	/pru:v/	chứng minh
35	pursue	v	/pə'sju:z/	theo đuổi
36	readily	adv	/'redɪli/	sẵn sàng, dễ dàng

37	rewarding	adj	/rɪ'wɔːdɪŋ/	đáng làm, bổ ích
38	satisfy	v	/'sætɪsfaɪ/	làm hài lòng
39	supportive	adj	/sə'pɔːtɪv/	ủng hộ, hỗ trợ
40	tailor	v	/'teɪlə(r)/	điều chỉnh cho phù hợp
41	tight	adj	/taɪt/	chật, eo hẹp
42	track	v/n	/træk/	theo dõi, đường đi
43	transform	v	/træns'fɔːm/	thay đổi hoàn toàn
44	vibrant	adj	/'vaɪbrənt/	sôi động, đầy sức sống
45	wonder	v	/'wʌndə(r)/	tự hỏi, ngạc nhiên

BẢNG CẤU TRÚC

STT	Cấu trúc	Nghĩa
1	adapt to something	thích nghi với điều gì
2	advise somebody to do something	khuyến ai đó làm gì
3	allow somebody to do something	cho phép ai đó làm gì
4	be dedicated to something	tận tâm, cống hiến cho điều gì
5	encourage somebody to do something	khuyến khích ai đó làm gì
6	help somebody do something	giúp ai đó làm gì
7	keep doing something	tiếp tục làm điều gì
8	keep pace with	bắt kịp, theo kịp
9	make a difference	tạo ra sự khác biệt